

Số: 855 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 15 tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản Văn bản số 026/CVMT-HT ngày 26 tháng 03 năm 2025 của Công ty TNHH Quốc Tế Huân Thắng về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường đối với Cơ sở “Nhà máy sản xuất thiết bị Huân Thắng” và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1288/TTr-SNNMT ngày 02/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Quốc Tế Huân Thắng, địa chỉ đường số 7, Khu công nghiệp Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất thiết bị Huân Thắng”, vị trí đường số 7, Khu công nghiệp Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Nhà máy sản xuất thiết bị Huân Thắng.

1.2. Địa điểm hoạt động: đường số 7, Khu công nghiệp Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3900357294 đăng ký lần đầu ngày 10/08/2004, đăng

ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/04/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư cấp.

1.4. Mã số thuế: 3900357294.

1.5. Loại hình Cơ sở: Nhà máy sản xuất thiết bị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

1.6.1. Quy mô: thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.6.2. Tổng diện tích: 8.000 m².

1.6.3. Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

- Sản xuất kinh doanh, gia công, lắp ráp: Khuôn và vỏ khuôn các loại; Linh kiện, thiết bị, phụ tùng cho các loại tàu, buôn tàu; Linh kiện, thiết bị, phụ tùng ô tô và các phương tiện vận tải khác; Linh kiện, thiết bị điện tử, điện gia dụng, máy vi tính; Dụng cụ, thiết bị văn phòng, đồ gia dụng với quy mô 10.000.000 sản phẩm/năm; Sản xuất sản phẩm nhựa từ nguyên liệu từ sợi composite, keo polyeste và bột đá với quy mô 2.100 tấn/năm. Quy trình sản xuất:

+ Sản xuất linh kiện, phụ kiện, dụng cụ: nhựa các loại (PP,TPR, PC, ABS) → Gia nhiệt → Tạo hình → Đóng gói.

+ Sản xuất khuôn và vỏ khuôn các loại: thiết kế thành hình khuôn vi tính → Nguyên liệu (sắt, thép các loại) → Gia công khuôn (cắt hàn, dập) → Kiểm tra chất lượng → Thử khuôn hàng mẫu → Đóng gói.

+ Sản xuất sản phẩm nhựa từ sợi composite, keo polyeste và bột đá: nguyên liệu (sợi composite, keo polyeste và bột đá) → phối trộn, đùn ép, tạo hình → Làm nguội bằng nước → cắt theo kích thước → Mài cạnh → Thành phẩm (lõi cán búa).

+ Lắp ráp cán búa: tay cầm cán búa, lõi cán búa → lắp ráp cố định → đóng gói.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Quốc Tế Huân Thắng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký.

Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 17/05/2021 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nâng công suất Nhà máy sản xuất thiết bị Huân Thắng của Công ty TNHH Quốc Tế Huân Thắng hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, chủ trì phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan tổ chức có liên quan kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Nhà máy sản xuất thiết bị Huân Thắng của Công ty TNHH Quốc Tế Huân Thắng được cấp phép theo quy định của pháp luật./. *lưu*

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Sở NN&MT;
- BQL Khu kinh tế tỉnh;
- UBND thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường An Tịnh;
- Công ty TNHH Quốc Tế Huân Thắng;
- Công ty CP phát triển hạ tầng KCN Trảng Bàng;
- Đăng tải trang thông tin điện tử Sở NN&MT;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh. *8*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
THỰC HIỆN YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số852...../GPMT – UBND
ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Toàn bộ nước thải của Nhà máy chảy ra hố gas đầu nổi nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để xử lý đạt quy chuẩn quy định (không xả ra môi trường).

Công ty TNHH Quốc Tế Huân Thắng và Công ty CP Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh có thỏa thuận đầu nổi nước thải và nước mưa theo Biên bản thỏa thuận số 234/0325/BB-INDECO ngày 18/3/2025 và Hợp đồng xử lý nước thải số 50/HĐ-XLNT ngày 01/9/2014.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt, lưu lượng 1,2 m³/ngày.đêm. Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh qua xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn (02 bể thể tích 2m³ và 01 bể thể tích 6m³) và từ lavabo rửa tay, vệ sinh sản thu gom vào đường ống uPVC D168, dài 153m chảy đến hố gas thoát nước thải trên đường số 7, dẫn về hệ thống thu gom và xử lý nước thải của Khu công nghiệp Trảng Bàng để tiếp tục xử lý.

- Số điểm đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp: 01 điểm.

Tọa độ: X= 1.218.490 và Y= 596.964 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°30' múi chiều 3°).

- Lưu lượng đầu nổi lớn nhất: 1,2 m³/ngày.đêm.

- Điểm xả nước thải: hố gas xả nước thải nằm trên đường số 7 (thiết kế điểm xả nước thải phải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là 01 m² và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Số lượng: 03 bể tự hoại xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt

- Thể tích các bể tự hoại: 02 bể thể tích 2 m³/bể và 01 bể thể tích 6,0 m³/bể.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 03 ngăn, từ lavabo, vệ sinh sản → Hố gas trên đường số 7 → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Trảng Bàng.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Nước thải sau xử lý sơ bộ của Nhà máy đạt tiêu chuẩn đầu nổi của Khu công nghiệp Trảng Bàng (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp – QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) trước khi đầu nổi về hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

1.3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại và mạng lưới thu gom, thoát nước thải của Nhà máy, thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố, đảm bảo không để nước thải rò rỉ, chảy ra môi trường.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ gas để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nổi, tiếp nhận của đơn vị kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa và đầu nổi vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, thoát nước thải nước thải. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nổi nước thải của Nhà máy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Bàng. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 2
THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...~~8.5.5~~^{8.5.6}...../GPMT – UBND
 ngày ~~15~~⁵ tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ quá trình cắt và mài lõi cán búa.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ qua trình khuấy trộn keo polyste và bột đá và công đoạn đun, ép tạo hình.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Ống thoát sau hệ thống xử lý bụi; tọa độ vị trí phát sinh khí thải: X = 1.218.549, Y = 596.947 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)

- Ống thoát sau hệ thống xử lý khí thải; tọa độ vị trí phát sinh khí thải: X = 1.218.551; Y = 596.944 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên nhà máy sản xuất thiết bị Huân Thắng thuộc đường số 7, Khu công nghiệp Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 50.000 m³/h

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải tối đa 25.000 m³/h.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải tối đa 25.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Dòng khí thải 01,02 khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục trong thời gian hoạt động của nhà máy.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, (K_p = 0,9, K_v = 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
I	Khí thải từ HTXL bụi				
1	Lưu lượng	m ³ /h	--		

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
II	Khí thải từ hệ thống xử lý hơi dung môi				
1	Lưu lượng	m ³ /h	--	01 năm/lần	
2	Styren	mg/Nm ³	100		
3	Acetaldehyde	mg/Nm ³	270		
4	Bụi	mg/Nm ³	180	06 tháng/lần	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải (hơi dung môi) từ nguồn phát sinh để đưa về công trình xử lý:

- **Nguồn số 01:** Bụi phát sinh từ quá trình cắt và mài lõi cán búa được thu gom bằng 04 ống hút bụi gân nhựa D250 bằng nhựa PVC, với tổng chiều dài khoảng 8m tại 4 vị trí phát sinh bụi (gồm 2 máy cắt và 2 máy mài), sau đó kết nối với 04 ống nhánh thu gom D250 bằng tôn mạ kẽm, với tổng chiều dài khoảng 4m dẫn kết nối với ống chính D400 bằng tôn mạ kẽm với chiều dài 8m dẫn về hệ thống xử lý bụi với công suất xử lý 25.000 m³/h để xử lý. Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý là ống tròn D400 bằng tôn mạ kẽm có chiều cao khoảng 15m so với mặt đất.

- **Nguồn số 02:** Khí thải phát sinh từ quá trình khuấy trộn keo polyeste và bột đá và công đoạn đùn, ép tạo hình được thu gom bằng chụp hút có kích thước 1,5m×1,5m bằng tôn mạ kẽm (có 4 chụp hút) tại dây chuyền đùn ép, tạo hình thu gom 04 ống nhánh với chiều dài khoảng 4m và 02 ống gân bằng nhựa PVC thu gom trực tiếp tại máy khuấy với tổng chiều dài 2 ống gân khoảng 5m các ống nhánh sẽ kết nối vào tuyến ống chính D400 bằng tôn mạ kẽm, với chiều dài 10m dẫn về hệ thống xử lý hơi dung môi với công suất 25.000m³/h. Ống thoát sau hệ thống xử lý là ống tròn D400 bằng tôn mạ kẽm có chiều cao khoảng 15m so với mặt đất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi (Công trình xử lý bụi phát sinh từ quá trình cắt và mài lõi cán búa)

- Số lượng công trình: 01 công trình.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Bụi phát sinh → Đường ống nhánh → Đường ống chính → Thiết bị lọc túi vải → Quạt hút → Ống thoát khí sạch D400, cao 15m.

- Công suất thiết kế: 25.000 m³/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

- Số ống thải: 01 ống thải.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải (Công trình xử lý khí thải phát sinh từ quá trình khuấy trộn keo polyeste, bột đá và công đoạn đùn, ép tạo hình).

- Số lượng công trình: 01 công trình.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Khí thải (hơi dung môi) → Chụp hút → Đường ống nhánh → Đường ống chính → Hệ thống xử lý khí thải → Quạt hút → Ống thoát khí sạch D400, cao 15m.

- Công suất thiết kế: 25.000 m³/h.

- Hóa chất vật liệu sử dụng: than hoạt tính dạng rỗng.

- Số ống thải: 01 ống thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra; có nhật ký vận hành hệ thống xử lý khí thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng... để kịp thời nhận biết các sự cố.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống. Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của lò hơi đốt củi và hệ thống xử lý bụi, khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc công trình xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Trường hợp công trình xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng bụi thải, khí thải không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả bụi thải, khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố và có kết quả phân tích bụi thải, khí thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường sẽ hoạt động trở lại, không xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường.

- Tại 01 vị trí ống thải sau HTXL bụi từ quá trình cắt và mài lõi cán búa.
- Tại 01 vị trí ống thải sau HTXL khí thải từ quá trình khuấy trộn keo polyeste, bột đá và công đoạn đùn, ép tạo hình.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành hệ thống xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường:

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Thực hiện thu gom triệt để toàn bộ khí thải phát sinh tại nhà máy; không xả thải khí thải trong quá trình sản xuất ra môi trường.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm theo quy định. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT – UBND
 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của khu vực sản xuất khuôn, vỏ khuôn các loại.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của khu vực sản xuất linh kiện, phụ kiện, dụng cụ bằng nhựa.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực sản xuất sản phẩm từ sợi composite keo polyeste và bột đá.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quạt hút của hệ thống xử lý bụi.
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quạt hút của hệ thống xử lý hơi dung môi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí 01 (tương ứng nguồn số 01): : Toạ độ X(m) = 1.218.555; Y(m) = 596.969.
- Vị trí 02 (tương ứng nguồn số 02) : Toạ độ X(m) = 1.218.572; Y(m) = 596.975.
- Vị trí 03 (tương ứng nguồn số 03): Toạ độ X(m) = 1.218.595; Y(m) = 596.955.
- Vị trí 04 (tương ứng nguồn số 04): Toạ độ X(m) = 1.218.547; Y(m) = 596.947.
- Vị trí 05 (tương ứng nguồn số 05): Toạ độ X(m) = 1.218.548; Y(m) = 596.945.

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi giờ 3^o)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 đến 21 giờ	Từ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:****1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực nhà xưởng sản xuất; các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất được bảo trì bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị có phát sinh độ rung.

- Trồng nhiều cây xanh để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị đúng quy cách, lắp đặt lò xo đàn hồi trên kệ máy kiên cố;

- Đối với công nhân làm việc tại công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ các dụng cụ chống ồn (nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ,...).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT – UBND
ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	75	Rắn
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt thải	18 02 01	50	Rắn
3	Dầu nhớt bôi trơn, hộp số tổng hợp thải	17 02 03	25	Lỏng
4	Hộp mực thải	08 02 01	7	Rắn
5	Bao bì mềm thải nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	15	Rắn
6	Chất thải rắn từ quá trình xử lý khí thải	12 01 03	200	Rắn
7	Than hoạt tính thải	12 01 04	208	Rắn
TỔNG CỘNG			580	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Giấy vụn, thùng carton thải bỏ	18 01 05	0,1	Rắn
2	Bao bì nylon thải	18 01 06	0,1	Rắn
3	Bavia nhựa	03 02 12	0,56	Rắn
4	Sắt, thép vụn	--	2,14	Rắn
TỔNG CỘNG			2,9	-

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	2,7

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố các thùng chứa chuyên dụng có dán nhãn phân biệt từng loại chất thải.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: $6m^2$.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho lưu chứa chất thải nguy hại có tường bao và mái che, sàn được tráng bê tông chống thấm và có gờ chống tràn khi có sự cố. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, có trang bị thùng phi chứa cát khô, giẻ lau và đã trang bị thiết bị bình phòng cháy chữa cháy đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định. Kho lưu chứa chất thải nguy hại được thiết kế, xây dựng đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các ngăn chứa tương ứng với từng loại chất thải bên trong kho.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích $12m^2$ (có mái che).

- Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao và mái che, sàn được bê tông chống thấm và gờ ngăn nước mưa tràn ra ngoài, hệ khung cột – dầm bằng bê tông cốt thép.

2.2.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy.

2.3.2. Kho lưu chứa: $3m^2$.

Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao và mái che, sàn được bê tông chống thấm và gờ ngăn nước mưa tràn ra ngoài, hệ khung cột – dầm bằng bê tông cốt thép.

2.3.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại: Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ vào chuyên, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Nhà máy đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022

của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

- Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống thấm và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ cùng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheet) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Nhà máy theo quy định.

- Về kho chứa hóa chất: thiết kế kho chứa hóa chất đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 4 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và các yêu cầu về kho chứa quy định tại Mục 5 QCVN 05:2020/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

5. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...855...../GPMT – UBND
ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Nhà máy không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Nhà máy không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ NHÀ MÁY ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp xử lý đạt quy chuẩn quy định.

3. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Nhà máy đảm bảo xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B ($K_v = 1,0$; $K_p = 0,9$), QCVN 20:2009/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

5. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

7. Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Nhà máy theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

8. Giảm thiểu chất thải rắn, nước thải thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

9. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Nhà máy đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

10. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

11. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

12. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

14. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

15. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

16. Thực hiện công khai thông tin môi trường của Nhà máy theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: Công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng Nhà máy. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới theo quy định.

17. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp; phải có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.

T. A. Y.